|  |  |
| --- | --- |
| **Sở giáo dục và đào tạo TP HCM****Trường THPT Dương Văn Dương** | **NỘI DUNG ÔN TẬP THI LẠI MÔN LỊCH SỬ KHỐI 10****NĂM HỌC : 2022-2023** |

## **BÀI 18: VĂN MINH ĐẠI VIỆT**

1. **Khái niệm Văn minh Đại Việt:**

Văn minh Đại Việt là nền văn minh rực rỡ, tồn tại và phát triển trong thời độc lập tự chủ của quốc gia Đại Việt (từ thế kỉ X –XIX).

**2. Cơ sở hình thành của văn minh Đại Việt**

- Văn minh Đại Việt hình thành trên cơ sở kế thừa những thành tựu của văn minh Văn Lang – Âu Lạc.

- Sự phát triển kinh tế, chính trị,… nền độc lập lâu dài gắn liền với các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần… là tiền đề để xây dựng và phát triển nên Văn Minh Đại Việt từ thế kỷ X-XIX.

- Quá trình mở rộng lãnh thổ cả ở hải đảo và đất liền làm Văn minh Đại Việt thêm phong phú, đa dạng.

- Ý thức dân tộc mãnh mẽ tạo điều kiện cho sự tiếp biến có chọn lọc nhiều giá trị từ bên ngoài (Trung Quốc, Ấn Độ).

**3.** **Những thành tựu tiêu biểu của Văn minh Đại Việt:**

**a. Về tư tưởng, tôn giáo**

* ***Tư tưởng yêu nước thương dân***

Tư tưởng yêu nước thương dân phát triển theo hai xu hướng: dân tộc và thân dân.

* ***Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương và tổ tiên***

Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương và thờ cúng tổ tiên của người Việt được duy trì và phát triển qua việc xây lăng, miếu, đền đài

* ***Tôn giáo***

+ **Phật giáo:** Phát triển mạnh trong buổi đầu độc lập và trở thành quốc giáo thời Lý – Trần.

**+ Đạo giáo:** Đạo giáo phổ biến trong dân gian hòa vào đời sống sinh hoạt cộng đồng

**+ Nho giáo:**

Du nhập vào nước ta từ thời Bắc thuộc, đến thế kỷ XV, Nho giáo được triều Lê sơ coi trọng.

Nho giáo dần phát triển cùng với sự phát triển của giáo dục và thi cử, góp phần to lớn trong việc đào tạo đội ngũ tri thức, những người hiền tải cho đất nước.

**b. Giáo dục**

- Nhà Lý là triều đại đặt nền móng cho giáo dục với việc tổ chức kỳ thi tuyển quan lại đầu tiên vào thế kỷ XI (năm 1075) nhưng chưa quy củ.

-Thời Trần, giáo dục dần hoàn thiện, nhà Trần quy định nội dung thi cử, thời gian..

- Từ thời Lê sơ, giáo dục và thi cử ngày càng quy củ.

- Nền giáo dục Nho học đã đào tạo nhiều người đỗ đạt, làm quan, các nhà văn hoá lớn.Giáo dục có vai trò quan trọng trong xây dựng, bảo vệ, phát triển quốc gia Đại Việt.

**c. Chữ viết**

- Trên cơ sở tiếp thu chữ Hán người Việt đã sáng tạo ra chữ Nôm.

- Thế kỉ XVI, chữ Quốc ngữ được hình thành và dần dần trở thành chữ viết chính thức của người Việt ngày nay.

**d. Văn học**

- Văn học chữ Hán: Chủ yếu là thơ, phú, hịch, thể hiện lòng yêu nước và niềm tự hào dân tộc.

- Văn học chữ Nôm: Xuất hiện từ thế kỉ XIII, phát triển mạnh vào các thế kỉ XVI – XIX.

- Văn học dân gian: Tiếp tục phát triển mạnh trong các thế kỉ XVI – XVIII

**Bài 19. CÁC DÂNTỘCTRÊNĐẤT NƯỚCVIỆT NAM**

**1. Thànhphần dân tộc theo dân số**

-Là một quốc gia đa dạng về tộc người, Việt Nam hiện có 54 dân tộc phân bố khắp đất nước, trong đó người Kinh có số lượng đông nhất (chiếm 85,3%), cácdân tộc còn lại chiếm14,7%dân số.

**2. Đời sống vật chất của các dân tộc** **ViệtNam**:

**a. Ẩm thực**:

- Lương thựcchính củacácdân tộc là lúa gạo, ngô. Họ ăn cơmnấu từ gạo tẻ, gạo nếp, thịt trâu bò, cá, ếch,…

- Thứcuống có chè (trà), rượu cần, rượu trắng.

**b. Trang phục:**

- Mỗidân tộc đều có những nét riêngphản ánh đadạng vềđiều kiện sống, phong tục, tập quán của mỗi dân tộc.

- Nhìn chung trang phụcrất đa dạng vềkiểu dáng, màu sắc cũng nhưhình thứcvàhoa văn trang trí.

**c. Nhàở**

- Nhà ở của các dân tộc rất đa dạng vềloại hình, bao gồm nhà sàn, nhà nền đất, nhà nửa sàn nửa đất, nhà trình tường. Một số dân tộc có xây dựng những ngôi nhà làm nơi sinh hoạt chung cho buôn làng.

- Vậtliệu làm nhà là gỗ, đá, gạch, ngói, tre, nứa, tranh,…

**3. Đời sống tinh thần của các dân tộc** **ViệtNam**

**a. Tín ngưỡng, tôn giáo**

- Các dân tộc ở Việt Nam đều đang duy trì tín ngưỡng đa thần, vạn vật hữu linh, thờ cúng tổ tiên,…

- Ngoài ra, họ cũng đã tiếp thu, chịu ảnh hưởng của nhiều tôn giáo lớn trên thếgiới như Phật giáo (chủ yếu ngườiHoa, Khmer), Công giáo, Tinlành (một số dân tộc ở Tây Nguyên vàmiền núi phía Bắc), Hồi giáo (chủ yếu là ngườiChăm).

**b. Phong tục, tập quán, lễ hội**

- Mỗidân tộc trên lãnh thổ ViệtNamđều có phong tục, tập quán gắn liền với đờingười như sinh đẻ, cưới hỏi, làm nhà, ma chay hoặc liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Lễ hội thường gắn với sản xuất nông nghiệp hoặc gắn với tín ngưỡng, tôn giáo. Các dân tộc thiểu số có một số lễ hội tiêu biểu như lễ hội cầu mùa (dân tộc Dao, Thái, Khơ Mú, Tà Ôi,…), lễ hội ĐâmTrâu, lễ hội Đua Voi, lễ hội Cồng Chiêng, lễ Bỏ Mả (các dân tộc Tây Nguyên), lễhội Hoa ban (dân tộcThái), lễ hội Ka-tê (dân tộc Chăm),…

**Bài 20. KHỐI ĐẠI ĐOÀNKẾT DÂNTỘC VIỆT NAM**

**1. Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước**

- Về kinh tế:

 Chủ trương phát triển kinh tế miền núi, vùng dân tộc thiểu số nhằm phát huy thế mạnh, tiềm năng của các dân tộc, từng bước khắc phục chênh lệch giữa các vùng, cácdân tộc,…

- Vềxã hội:

Tập trung vào cácvấn đề giáo dục, văn hóa, y tế,..ở khu vực đồng bào dân tộc thiểu số nhằmnâng cao năng lực, thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tạo tiền đề và cơ hội để các dân tộc có đầy đủ điều kiện tham gia quátrình pháttriển.

- Về an ninh quốc phòng:

Củng cố các địa bàn chiến lược, giải quyết tốt vấn đề đoàn kếtdân tộc và quan hệ dân tộc trong mối liên hệ tộc người, giữacáctộc ngườivàliên quốc giatrong xu thế toàn cầu hóa.

-------------------------**HẾT**-------------------------